

Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Linh hoạt VND

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2023



Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	14
Báo cáo kiểm toán độc lập	15 - 16
Báo cáo thu nhập	17
Báo cáo tình hình tài chính	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ	20
Báo cáo danh mục đầu tư	21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 50

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND (“Quỹ”) được thành lập ngày 18 tháng 08 năm 2023 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2020, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 267/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 18 tháng 08 năm 2023 và Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 162/GCN-UBCK ngày 03 tháng 07 năm 2023. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 07 tháng 08 năm 2023.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.134.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.013.400,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 72.648.622.700 đồng Việt Nam, tương đương với 7.264.862,27 chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Linh Hoạt VND là tạo ra kênh đầu tư cho các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn của nhà đầu tư, đem lại lợi nhuận ổn định và cạnh tranh so với gửi tiết kiệm không kỳ hạn hoặc kỳ hạn đồng thời đảm bảo thanh khoản cho chứng chỉ quỹ thông qua việc đầu tư vào danh mục các tài sản có thu nhập cố định và thanh khoản cao. Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ

Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A (“Công ty”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số Ngày

02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/ GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang quản lý bốn (04) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt (VNDCF) và Quỹ ETF IPAAM VN100. Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng và Công ty Cổ phần Bkav.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 05 tháng 03 năm 2024 là Ông Vũ Hiền - Chức danh: Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty.

Bà Nguyễn Hồ Nga được bà Phạm Minh Hương ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 88/2024/UQ-IPAAM ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch Công ty.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành).

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Phạm Ngọc Bách	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 08 năm 2023
Bà Phí Thị Thùy Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 08 năm 2023
Bà Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 08 năm 2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA ("Ban Tổng Giám đốc"), với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Phạm Ngọc Bách
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND là tạo ra kênh đầu tư cho các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn của nhà đầu tư, đem lại lợi nhuận ổn định và cạnh tranh so với gửi tiết kiệm không kỳ hạn hoặc kỳ hạn ngắn đồng thời đảm bảo thanh khoản cho chứng chỉ quỹ thông qua việc đầu tư vào danh mục các tài sản có thu nhập cố định và thanh khoản cao.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ tăng 2,74% so với ngày thành lập là ngày 18/08/2023.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

1.3.1 Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là xây dựng một danh mục công cụ nợ đa dạng, linh hoạt theo điều kiện thị trường bao gồm chứng chỉ tiền gửi, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật Việt Nam có chất lượng tín dụng cao và các giấy tờ có giá thanh khoản khác để nhằm tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với mức lợi tức gửi ngân hàng kỳ hạn ngắn và đảm bảo an toàn vốn cho nhà đầu tư.

1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm, với tỷ trọng phân bổ nhóm ngành không vượt những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành.

1.3.3 Tài sản được phép đầu tư

Pháp luật hiện tại quy định Quỹ có thể đầu tư vào các loại tài sản sau, tuy nhiên Quỹ sẽ xem xét cơ hội và sự phù hợp để quyết định lựa chọn loại tài sản đầu tư:

- a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.4 *Phân loại Quỹ:* Quỹ mở

1.5 *Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ*

Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 267/GCN-UBCK ngày 18 tháng 08 năm 2023, theo đó Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.6 *Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 74.637.262.298 đồng và số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành là 7.264.862,27 chứng chỉ Quỹ.

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 *Cơ cấu tài sản của Quỹ*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Trái phiếu niêm yết và chuẩn bị niêm yết	36,37%
Tiền gửi ngân hàng, Chứng chỉ tiền gửi ghi danh, các khoản tương đương tiền	63,63%
	100,00%

2.2 *Chi tiết chỉ tiêu hoạt động*

	<i>Giai đoạn tài chính từ 18/8/2023 đến 31/12/2023</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	74.637.262.298
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	7.264.862,27
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (CCQ)	10.273,73
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	10.279,42
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	9.984,15
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	234,05%

2.3 *Tăng trưởng qua các kỳ*

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của NAV/CCQ</i>
Từ khi thành lập	2,74%

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM 2023

3.1 *Bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2023*

Việt Nam đạt kết quả tăng trưởng kinh tế tích cực, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, không thuận lợi, kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan cho thấy nền kinh tế phục hồi với mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước. Cụ thể, nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 5,05%, mặc dù không đạt mục tiêu 6,5% Chính phủ đề ra cho năm 2023 nhưng vẫn là kết quả tích cực và thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu thống kê cho thấy kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp; cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng nội địa duy trì mức tăng khá.

Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84% ~ 0,46 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87% ~ 1,51 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29% ~ 3,25 điểm phần trăm.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,7% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%; cả nước xuất siêu 28 tỷ USD (năm 2022, xuất siêu đạt 12,1 tỷ USD). Đây cũng là năm thứ 8 Việt Nam xuất siêu liên tục. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 96,8 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 111,6 tỷ USD.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam trong năm 2023 đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm trước; mức giải ngân đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2023 ước đạt 1.717,8 nghìn tỷ đồng, bằng 106% dự toán năm và giảm 5,4% so với năm trước. Tổng chi ngân sách năm 2023 ước đạt 1.731,9 nghìn tỷ đồng, bằng 83,4% dự toán năm và tăng 10,9% so với năm trước.

Năm 2023, dù lạm phát ở nhiều quốc gia trên toàn cầu vẫn đang ở mức cao nhưng lạm phát bình quân của Việt Nam chỉ tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra, là điểm sáng trong việc kiểm soát giá cả, ổn định kinh tế vĩ mô năm vừa qua, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Thành công trong kiểm soát lạm phát là kết quả của sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô.

Trong năm 2023, NHNN đã điều hành tỉ giá phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước, can thiệp linh hoạt nhằm ổn định thị trường ngoại tệ hạn chế biến động lớn trong ngắn hạn. Kết quả năm 2023, VND mất giá khoảng 2,9% so với, là mức phù hợp với xu hướng chung trên thế giới và trong khu vực, góp phần kiểm chế áp lực lạm phát nhập khẩu từ thế giới.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM 2023 (tiếp theo)

3.2 Diễn biến lãi suất huy động năm 2023

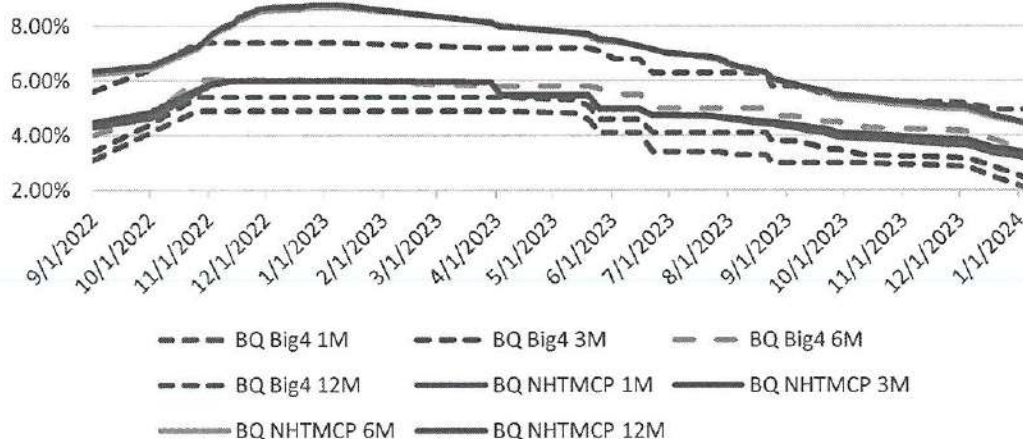
Từ cuộc đua hút khách hàng gửi tiền đầu năm đến đột ngột chuyển sang giảm sâu phá đáy lãi suất bắt đầu từ giữa năm 2023.

Cuối năm 2022, giữa bối cảnh các ngân hàng chạy đua tăng lãi suất huy động nhằm thu hút tiền gửi, lãi suất kỳ hạn từ 12 tháng ở các NHTM cổ phần phổ biến ở mức 10%. Tuy Hiệp hội ngân hàng đã khống chế lãi suất huy động tối đa 9,5%/năm kể từ ngày 15/12/2022 nhưng không ít ngân hàng mặc dù niêm yết lãi suất dưới 9,5%/năm mà thực tế tổng trả lãi cho Khách hàng lên đến 12-13%/năm. Thời điểm đầu năm 2023, lãi suất trần theo quy định của NHNN đối với huy động tiền gửi có kỳ hạn từ 1-6 tháng là 6%/năm. Toàn bộ các NHTM cổ phần đều niêm yết mức lãi suất tối đa ở kỳ hạn này. Mặt bằng huy động đã ghi nhận mức cao nhất trong vòng 11 năm trở lại đây.

Lãi suất huy động cao cũng kéo theo lãi suất các ngân hàng cho vay cao, kèm theo tình hình kinh tế khó khăn đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để giảm mặt bằng lãi suất xuống nhằm ổn định thị trường và kích thích tăng trưởng tín dụng, từ tháng 3 đến tháng 6/2023, NHNN đã 4 lần giảm lãi suất điều hành, cụ thể lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1% xuống 0.5%/năm; kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 6% xuống 4.75%/năm. Các ngân hàng lại lao vào cuộc đua mới - cuộc đua giảm lãi suất, đảo ngược hoàn toàn so với đầu năm, đưa mặt bằng chung lãi suất tiết kiệm giảm xuống mức thấp kỷ lục.

Đến cuối năm 2023, bình quân lãi suất ở tất cả ngân hàng kỳ hạn 12 tháng ở mức dưới 5%/năm, 6 tháng ở mức 4.2%/năm, không còn ngân hàng nào áp dụng mức lãi suất tối đa NHNN quy định. Nếu so với đỉnh lãi suất chỉ trước đây 9 tháng, bình quân lãi suất tiền gửi đã giảm khoảng 3%/năm. Đáng chú ý, lãi suất huy động của nhóm NHTM cổ phần chỉ lớn hơn nhóm NH Quốc doanh ở kỳ hạn ngắn dưới 12 tháng và chênh lệch chỉ từ 0.5%-1%/năm. Ở kỳ hạn 12 tháng, thậm chí nhiều NHTM như VIB, MSB, ABB huy động lãi suất thấp hơn cả NH Quốc doanh.

Diễn biến lãi suất tiền gửi



Lãi suất giảm mạnh nhưng lượng tiền gửi vào hệ thống ngân hàng vẫn tăng liên tục

Theo NHNN, lượng tiền gửi vào ngân hàng của người dân và doanh nghiệp đạt mức cao nhất từ trước tới nay với hơn 13,5 triệu tỷ đồng vào cuối năm 2023, tăng 14% so với năm 2022. Có thể thấy, mặc dù lãi suất liên tục phá đáy nhưng tiết kiệm vẫn được coi là kênh sinh lời hiệu quả và an toàn, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế khó khăn, các kênh đầu tư khác như chứng khoán, bất động sản không còn tăng trưởng và hấp dẫn như trước.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM 2023 (tiếp theo)

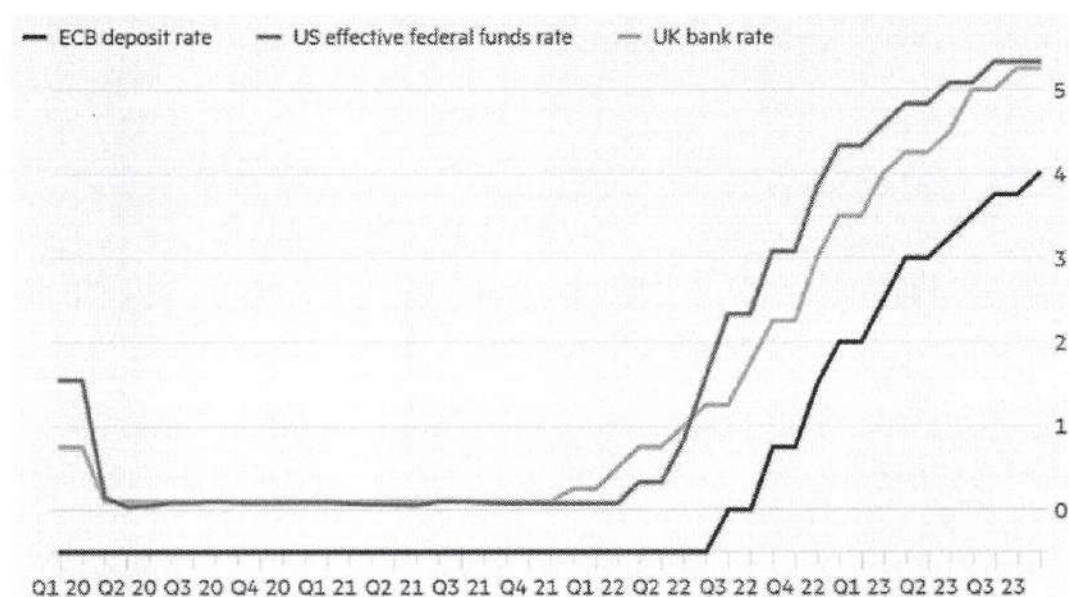
3.2 *Diễn biến lãi suất huy động năm 2023 (tiếp theo)*

Thị trường tài chính thế giới cũng trải qua cuộc chạy đua tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương và chưa xác nhận đảo chiều.

Trong khi mặt bằng lãi suất Việt Nam đã giảm mạnh về mức thấp kỷ lục thì lãi suất các nền kinh tế lớn trên thế giới lại liên tục lập đỉnh mới trong năm 2023. Từ tháng 3/2022 đến hết năm 2023, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất 11 lần, lên 5,25 - 5,5%/năm, mức cao nhất trong vòng 22 năm trở lại đây và cơ quan này sẽ không hạ lãi suất cho tới khi tự tin rằng lạm phát ở Mỹ đã giảm về mục tiêu 2% một cách bền vững.

NH Trung ương châu Âu (ECB) sau khi 10 lần tăng lãi suất cơ bản đã duy trì lãi suất tiền gửi ở mức 4% kể từ tháng 9/2023, đây cũng là mức lãi suất cao nhất trong 22 năm qua. Mặc dù lạm phát đã giảm gần đây nhưng ECB vẫn lo ngại xu hướng tăng lương và chi phí nhân công có thể gây áp lực cho lạm phát trong thời gian lâu hơn.

NH Trung ương Anh (BOE) nâng lãi suất lên mức 5,25% sau 14 lần tăng liên tiếp và cũng là mức lãi suất cao nhất trong vòng 15 năm trở lại đây. BOE cho biết chính sách tiền tệ cần thắt chặt trong một thời gian đủ dài để thực sự kiềm chế lạm phát, BOE sẽ theo dõi chặt chẽ giá cả và tiền lương để đưa ra các quyết định đảo chiều lãi suất.



Sources: ECB, US Federal Reserve, Bank of England

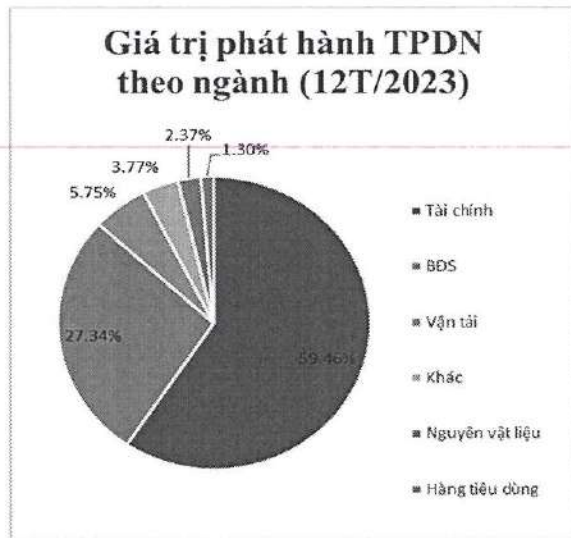
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM 2023 (tiếp theo)

3.3 Thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam năm 2023

Sau nửa năm đầu đóng băng, nửa sau của năm 2023 đã chứng kiến sự sôi động trở lại của kênh đầu tư Trái phiếu Doanh nghiệp (TPDN). Cùng với việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đưa TPDN riêng lẻ giao dịch tập trung đã cho thấy tín hiệu phục hồi và niềm tin vào thị trường TPDN đang dần quay trở lại.



Theo HNX, thị trường TPDN Việt Nam năm 2023 có tổng cộng 334 đợt phát hành với tổng giá trị khoảng 324 nghìn tỷ đồng, trong đó có 29 đợt phát hành ra công chúng với tổng giá trị phát hành là 37.070 tỷ đồng, gấp gần 3,5 lần so với lượng trái phiếu phát hành ra công chúng cả năm 2022 (chiếm khoảng 11% tổng giá trị phát hành); 305 đợt phát hành riêng lẻ trị giá gần 287 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ 11% so với lượng trái phiếu riêng lẻ phát hành cả năm 2022 (chiếm khoảng 89% tổng giá trị phát hành). Tổng quy mô phát hành TPDN cả năm 2023 tăng 22% so với năm 2022, mặc dù vẫn cách khá xa lượng phát hành năm 2021 (595 nghìn tỷ) nhưng sự sôi động trở lại này đã cho thấy tín hiệu

vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của TPDN.

Xét về cơ cấu nhóm ngành phát hành, tương tự năm 2022, Tổ chức tín dụng và Bất động sản vẫn là 2 nhóm TCPH lớn nhất. Nhóm Tổ chức tín dụng (chủ yếu là ngân hàng) phát hành khoảng 190 nghìn tỷ, đứng đầu với tỷ trọng 59,46% tổng giá trị phát hành (tăng 39% so với lượng phát hành năm 2022), đứng tiếp theo là nhóm Bất động sản phát hành khoảng 88 nghìn tỷ với tỷ trọng 27,34% tổng giá trị phát hành (tăng 69% so với lượng phát hành năm 2022). Các đợt phát hành vẫn tập trung chủ yếu tại kỳ hạn 1-3 năm với giá trị khoảng 109 nghìn tỷ đồng, tương đương 34% tổng giá trị phát hành. Cả năm 2023, lãi suất phát hành bình quân ~ 7,58%/năm, kỳ hạn phát hành bình quân ~ 4,35 năm.

Trong năm 2023, các doanh nghiệp đã mua lại trước hạn lượng trái phiếu trị giá khoảng 247 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với lượng mua lại năm 2022. Trong đó, nhóm Tổ chức tín dụng chiếm đa số khi thực hiện mua lại 118 nghìn tỷ đồng, tương đương 47,7% tổng giá trị mua lại. Xếp sau là nhóm Bất động sản với 51 nghìn tỷ đồng, chiếm 20,6%. Hầu hết trái phiếu được mua lại sẽ đáo hạn vào năm 2024 và 2025 (chiếm 58%).

Trong năm 2024, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là khoảng 277 nghìn tỷ đồng. 41% giá trị trái phiếu sắp đáo hạn thuộc nhóm Bất động sản với 113 nghìn tỷ đồng, theo sau là nhóm Ngân hàng với gần 55 nghìn tỷ đồng (chiếm 20%).

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM 2023 (tiếp theo)

3.3 *Thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam năm 2023 (tiếp theo)*

Năm 2023, hàng loạt các giải pháp đã được cơ quan quản lý triển khai nhằm tháo gỡ các nút thắt của thị trường .

Chính phủ ban hành Nghị định số 08, trong đó có quy định về việc ngưng hiệu lực một số quy định của Nghị định số 65 cũng như cho phép các doanh nghiệp đàm phán với các nhà đầu tư để xử lý trái phiếu đến hạn, có thể kéo dài kỳ hạn trái phiếu thêm tối đa 2 năm để có thời gian điều chỉnh, phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nghị định số 08 là một điểm sáng pháp lý và hỗ trợ rất lớn đến thị trường trái phiếu năm 2023 khi tình hình kinh doanh của các TCPH gặp nhiều khó khăn do bối cảnh chung.

Trong tháng 7/2023, Bộ Tài chính cũng đã chính thức đưa hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tập trung vào vận hành và đến hết 31/12/2023, tổng giá trị giao dịch đã đạt 218.000 tỷ đồng, với giá trị giao dịch bình quân phiên tương ứng là 1.880 tỷ đồng/một phiên. Trên 887 mã trái phiếu của 249 tổ chức đã được đăng ký và giao dịch trên thị trường tập trung này, góp phần cải thiện tính minh bạch cũng như tăng tính thanh khoản cho trái phiếu doanh nghiệp.

4. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

4.1 *Triển vọng năm 2024*

Kinh tế Việt Nam 2024: Thách thức đan xen cùng cơ hội tăng trưởng

Năm 2024, tình hình thế giới và khu vực được nhận định sẽ còn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; hậu quả của đại dịch Covid-19 còn tác động kéo dài, xung đột tại Ukraine và dải Gaza vẫn chưa đến hồi kết. Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm. Lạm phát, chính sách tiền tệ của một số nền kinh tế lớn còn chứa đựng yếu tố bất định. Tuy nhiên kinh tế Việt Nam năm 2023 vẫn đạt thành quả nhất định và ghi nhận những tín hiệu phục hồi khá rõ nét, tạo tiền đề để Quốc hội khóa XV đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 từ 6 - 6,5%, tốc độ tăng CPI bình quân từ 4 - 4,5%.

Mục tiêu tăng trưởng 6% - 6,5% được đánh giá là khả thi bởi ba trụ cột tăng trưởng: xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng đều rất khả quan. Xuất khẩu cuối năm 2023 đã phục hồi rất tốt. Trong thời gian tới, nhu cầu của thị trường thế giới quay trở lại, khả năng phục hồi của xuất khẩu của Việt Nam càng rõ rệt hơn. Cùng với đó, nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước cũng đang có dấu hiệu phục hồi. Các gói hỗ trợ kích cầu của Chính phủ được đưa vào nền kinh tế sẽ phát huy hiệu quả, kích thích sản xuất, tiêu dùng. Đầu tư công vẫn được giải ngân tuy có chậm nhưng đã có dấu hiệu phục hồi sau một năm khó khăn.

Chính sách tiền tệ tiếp tục duy trì môi trường lãi suất thấp

Cục Dự trữ liên bang Mỹ có dấu hiệu rõ rệt sẽ giảm lãi suất trong năm 2024 nhưng chưa có mức giảm cụ thể do lạm phát vẫn tiềm ẩn. Vì vậy, chính sách tiền tệ trong nước dự báo tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất thấp. Tuy nhiên mức lãi suất hiện nay đã ở vùng đáy, khó giảm thêm nữa. Chính sách tiền tệ có dư địa để nới lỏng nhưng không lớn.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Cần trọng lạm phát năm 2024

Thành công trong việc kiểm soát lạm phát năm 2023 đã tạo đà cho việc giữ ổn định lạm phát trong năm tới. Tuy nhiên áp lực lạm phát năm 2024 đến từ các yếu tố trong và ngoài nước vẫn luôn hiện hữu. Trong đó, những áp lực chính là giá nguyên vật liệu đầu vào đang ở mức cao. Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Ngoài ra, việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý như y tế, giáo dục, giá điện... sẽ tác động làm tăng CPI.

Thị trường TPDN năm 2024 có thể phục hồi tích cực, tăng trưởng lành mạnh hơn, song khó khăn vẫn còn tiếp diễn.

Năm 2023 tỷ lệ trái phiếu chậm trả phát sinh mới giảm dần khi NHNN đã thực hiện 4 lần cắt giảm lãi suất. Năm 2024, trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh dần phục hồi, thị trường bất động sản đã qua giai đoạn khó khăn nhất, môi trường lãi suất thấp, các quy định pháp lý rõ ràng cùng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ, thị trường TPDN được kỳ vọng sẽ khởi sắc với niềm tin về một thị trường thông tin minh bạch, nâng cao được cả chất lượng về trái phiếu phát hành và kiến thức tiếp nhận của Nhà đầu tư.

Tuy vậy những rủi ro về thị trường TPDN vẫn còn hiện hữu trong năm nay. Theo báo cáo của VBMA, áp lực đáo hạn TPDN năm 2024-2025 là tương đối lớn khi nhiều trái phiếu đáo hạn vào 2023 được gia hạn thêm 1-2 năm. Giá trị trái phiếu đến hạn vào năm 2024 và 2025 lần lượt là 278.210 tỷ đồng và 294.436 tỷ đồng, trong đó có khoảng 40% là trái phiếu BĐS. 2024 cũng là năm mà một số điều của Nghị định 08 hết hiệu lực và áp dụng trở lại Nghị định 65, hoạt động phát hành để cơ cấu nợ có thể sẽ gặp khó khăn khi các quy định về phát hành trở nên chặt chẽ hơn. Doanh nghiệp khi phát hành TPDN riêng lẻ một số sẽ phải có xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, có người môi giới, có người bảo lãnh và chỉ được bán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp. Bước đầu doanh nghiệp khi phát hành trái phiếu có thể gặp khó khăn nhưng đây cũng là điều kiện cần để thanh lọc thị trường, giúp lấy lại niềm tin cho nhà đầu tư.

4.2 Chiến lược đầu tư năm 2024

Ban Điều hành Quỹ dự báo mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp như hiện tại do NHNN đặt mục tiêu hàng đầu là môi trường lãi suất thấp để hỗ trợ phục hồi nền kinh tế, hoặc thận trọng hơn là có thể giảm nhẹ trong trường hợp tăng trưởng tín dụng trong nước chưa đạt được kỳ vọng. Tuy nhiên, dự địa giảm lãi suất còn khá ít vì với mức lãi suất huy động như hiện tại mà lạm phát mục tiêu từ 4 - 4,5% trong năm 2024, các ngân hàng vẫn cần đảm bảo lãi suất thực dương và không tạo áp lực lên tỷ giá. Do vậy, Ban Điều hành Quỹ dự kiến sẽ phân bổ danh mục tập trung vào chứng chỉ tiền gửi/tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn ngắn 6 tháng trở xuống. Ngoài ra, để đảm bảo lợi suất đầu tư cạnh tranh, Quỹ vẫn duy trì phân bổ một phần danh mục vào Trái phiếu các Tổ chức tín dụng có định hạng tín nhiệm tốt và TPDN niêm yết của các doanh nghiệp uy tín, được phân tích đánh giá kỹ càng trước khi đầu tư.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN KHÁC

Ban điều hành Quỹ

Bà Hồ Ngọc Anh
*Trưởng phòng Quản lý
đầu tư giấy tờ có giá*

Bà Ngọc Anh có hơn 9 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán.

Sau khi tốt nghiệp hạng ưu về Tài chính ngân hàng tại Đại học Assumption, Thái Lan năm 2013, bà Ngọc Anh trở thành Chuyên viên phân tích tại VNDIRECT.

Bà Ngọc Anh gia nhập IPAAM từ năm 2015 và giữ vị trí quản lý đầu tư. Bà có bằng CFA level 1 và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Trịnh Mạnh Cường
Quản lý Đầu tư

Ông Mạnh Cường có hơn 8 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

Ông Mạnh Cường tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính doanh nghiệp tại Đại học Kinh tế Quốc dân.

Trước khi gia nhập IPAAM, ông từng làm việc tại bộ phận đầu tư của Ngân hàng TMCP An Bình và Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel. Ông có bằng CFA level 2 và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND (Quỹ VNDCF) được các nhà đầu tư bầu trên cơ sở phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng (IPO) của Quỹ VNDCF. Theo đó, Chủ Tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ đã được bầu bao gồm:

- Ông Phạm Ngọc Bách - Chủ Tịch Ban Đại diện Quỹ
- Bà Phí Thị Thùy Dung - Thành Viên Ban Đại diện Quỹ
- Bà Hoàng Thị Minh Phương - Thành Viên Ban Đại diện Quỹ

Cơ cấu của Ban Đại diện Quỹ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ VNDCF và pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Trong Ban Đại diện Quỹ có 3/3 thành viên là thành viên độc lập, đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 2/3 thành viên Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- Các thành viên Ban Đại diện Quỹ đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ VNDCF:
 - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập, đáp ứng quy định tại Điều lệ Quỹ VNDCF.



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ
Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND (sau đây gọi là "Quỹ") cho kỳ tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày Quý được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ tài chính Quỹ đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên tại một số thời điểm, danh mục đầu tư của Quỹ có sai lệch cụ thể như sau:


- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 27/08/2023 đến ngày 24/12/2023, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của 1 tổ chức phát hành, nhóm tổ chức phát hành trên tổng tài sản vượt quá 20%, 30% theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 25/12/2023, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán lưu hành và các tài sản khác của 1 tổ chức phát hành, nhóm tổ chức phát hành trên tổng tài sản đã đảm bảo hạn mức tối đa 20%, 30% theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 21/12/2023 đến ngày 25/12/2023, tỷ lệ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác trên giá trị tài sản ròng chưa đảm bảo hạn mức tối thiểu 80% theo quy định tại khoản 14 điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020. Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 26/12/2023, tỷ lệ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác trên giá trị tài sản ròng đã đảm bảo hạn mức tối thiểu 80% theo quy định tại khoản 14 điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

Theo Quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch trong trường hợp "Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ".

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư. 

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Nguyễn Mạnh Cường
Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hồng

Số tham chiếu: 13509741/E-67938066

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quý Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quý Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND (“Quý”), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 17 đến trang 50, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quý) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A, là Công ty Quản lý Quỹ của Quý chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quý theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quý có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0763-2024-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THU NHẬP

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		1.880.009.458
2	1.1 Trái tức được chia	5	1.771.997.260
3	1.2 Tiền lãi được nhận		61.027.505
4	1.3 (Lỗ)/Lãi bán các khoản đầu tư	6	(1.428.907)
5	1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	48.413.600
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		7.704.148
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	8	7.704.148
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		459.038.062
20.1	3.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ mở	20.1	241.751.720
20.2	3.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	20.2	41.534.051
20.3	3.3 Giá dịch vụ giám sát	20.2	12.241.935
20.4	3.4 Giá dịch vụ quản trị quỹ mở		36.725.806
20.5	3.5 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng		49.720.000
20.9	3.6 Chi phí kiểm toán		32.400.000
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	9	44.664.550
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23=01-10-20)		1.413.267.248
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
30	VI. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	17	1.413.267.248
31	6.1 (Lỗ)/Lợi nhuận đã thực hiện		1.364.853.648
32	6.2 (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện		48.413.600
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-
41	VIII. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ		1.413.267.248

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	12	15.460.787.560
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		1.700.787.560
	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		13.760.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	58.605.826.751
121	2.1 Các khoản đầu tư		58.605.826.751
130	3. Các khoản phải thu	13	1.668.908.517
133	3.1 Phải thu từ bán các khoản đầu tư		-
136	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư - Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.668.908.517 1.668.908.517
	3.3 Các khoản phải thu khác		-
100	TỔNG TÀI SẢN		75.735.522.828
	II. NỢ PHẢI TRẢ		
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		9.933.950
316	2. Chi phí phải trả	14	59.399.999
317	3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ		912.341.600
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	15	116.584.981
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.098.260.530
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	16	74.637.262.298
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		72.648.622.700
412	1.1 Vốn góp phát hành		82.439.915.000
413	1.2 Vốn góp mua lại		(9.791.292.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		575.372.350
420	3. (Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối	17	1.413.267.248
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		10.273,73
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
004	Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	7.264.862,27

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồ Nga
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	NỘI DUNG	Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	1.413.267.248
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	1.413.267.248
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ	73.223.995.050
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ	83.273.801.738
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ	(10.049.806.688)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối năm	74.637.262.298

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT				
1	Trái phiếu doanh nghiệp - CVT122008	110.000	100.440,76	11.048.483.600	14,59%
2	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN121015	115.000	100.000,00	11.500.000.000	15,18%
II	TRÁI PHIẾU CHỨA NIÊM YẾT				
1	Trái phiếu doanh nghiệp - AGRIBANK233101	50.000	100.000,00	5.000.000.000	6,60%
	Tổng	275.000		27.548.483.600	36,37%
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi được nhận			621.830.435	0,82%
2	Trái tức được nhận			1.047.078.082	1,38%
	Tổng			1.668.908.517	2,20%
IV	TIỀN				
	Tiền và tương đương tiền				
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			788.445.960	1,04%
1.2	Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ Quỹ			912.341.600	1,20%
1.3	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			13.760.000.000	18,17%
2	Chứng chỉ tiền gửi			11.057.343.151	14,60%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			20.000.000.000	26,41%
	Tổng			46.518.130.711	61,42%
V	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			75.735.522.828	100%

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp trực tiếp)
cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(86.660.209.400)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		28.183.002.000
04	3. Tiền lãi đã thu		82.481.590
05	4. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(283.053.082)
06	5. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động Quỹ mở		(115.852)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí giao dịch phái sinh)		(7.704.148)
20	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(58.685.598.892)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
21	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ		84.186.143.338
22	Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ		(10.039.756.886)
30	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		74.146.386.452
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		15.460.787.560
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		-
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		-
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		-
54	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	12	15.460.787.560
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		15.460.787.560
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		788.445.960
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		912.341.600
59	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		13.760.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		15.460.787.560

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND (“Quỹ”) được thành lập ngày 18 tháng 08 năm 2023 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2020, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 267/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 18 tháng 08 năm 2023 và Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 162/GCN-UBCK ngày 03 tháng 07 năm 2023. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ

Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A (“Công ty”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/ GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang quản lý bốn (04) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt (VNDCF) và Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng và Công ty Cổ phần Bkav.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 05 tháng 03 năm 2024 là Ông Vũ Hiền - Chức danh: Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty.

Bà Nguyễn Hồ Nga được bà Phạm Minh Hương ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 88/2024/UQ-IPAAM ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch Công ty.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.134.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.013.400,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 72.648.622.700 đồng Việt Nam, tương đương với 7.264.862,27 chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Linh Hoạt VND là tạo ra kênh đầu tư cho các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn của nhà đầu tư, đem lại lợi nhuận ổn định và cạnh tranh so với gửi tiết kiệm không kỳ hạn hoặc kỳ hạn ngắn đồng thời đảm bảo thanh khoản cho chứng chỉ quỹ thông qua việc đầu tư vào danh mục các tài sản có thu nhập cố định và thanh khoản cao.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tần suất giao dịch của Quỹ là các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó trừ khi Công ty Quản lý Quỹ có thông báo khác. Đối với kỳ định giá hàng tháng, giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường (hoặc giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị thị trường) của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Nhà Đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ định kỳ vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên Trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ và đã được công khai tại Bản cáo bạch, đồng thời phải đảm bảo:

- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý đầu tư chứng khoán:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Cổ phiếu, trái phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh Thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- ▶ Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh Thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành phải đáp ứng điều kiện sau:
 - Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- ▶ Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác chiếm từ 80% (tám mươi phần trăm) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ trở lên.
- ▶ Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ, giấy tờ có giá và các công cụ có thu thập cố định khác được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán được áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Do vậy, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ được thành lập ngày 18 tháng 08 năm 2023, do đó Quỹ áp dụng kỳ từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 làm kỳ lập báo cáo tài chính năm đầu tiên.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư”, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này;
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định bằng giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Đối với các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác thì xác định bằng Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ;
- ▶ Trái phiếu niêm yết:

Giá thị trường là giá yết bình quân (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng có sự biến động lớn (*), Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

- ✓ Giá yết/giá sạch của kỳ định giá gần nhất + lãi lũy kế;
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(*) Giá thị trường có sự biến động lớn được hiểu là:

- Đối với Trái phiếu doanh nghiệp: Giá thị trường (giá sạch) tăng/giảm từ 1% trở lên so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất (giá sạch) hoặc giá sạch khi mua về nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.

Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu:

- ✓ Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu: Giá được xác định như trái phiếu doanh nghiệp;
- ✓ Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu: Giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.

Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Trái phiếu không niêm yết định giá là một trong các mức giá sau:
 - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá;
 - Giá mua cộng lãi lũy kế;
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
 - Trong trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn ít hơn 15 ngày tính đến ngày định giá: Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính tới trước ngày định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá.

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ Quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho Nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm tài chính.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích và ghi nhận theo phát sinh thực tế. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: $1,20\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$. Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ quản lý quỹ giảm do Công ty Quản lý Quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo mức giá dịch vụ mới với Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Mức giá mới sẽ được báo cáo Đại hội nhà đầu tư tại phiên họp gần nhất và cập nhật tại Điều lệ Quỹ sửa đổi gần nhất.

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ giám sát Quỹ vào mỗi kỳ định giá là $0,02\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$ và thấp nhất là 5.000.000 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.

Giá dịch vụ lưu ký vào mỗi kỳ định giá là $0,05\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$ và thấp nhất là 15.000.000 đồng/tháng không có thuế GTGT.

Giá dịch vụ lưu ký giám sát áp dụng cho giai đoạn 6 tháng kể từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ bằng 50% mức giá nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá là 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và tối thiểu 15.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế GTGT.

Giá dịch vụ quản trị quỹ áp dụng cho giai đoạn 6 tháng kể từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ bằng 50% mức giá nêu trên.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	12.000.000 VND/tháng
2	Giá dịch vụ thiết lập, duy trì thông tin, phí cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư	Miễn phí
3	Giá dịch vụ thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí in ấn, chi phí công bố thông tin; chi phí cho các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư; thuế phí và các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ tuân thủ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư số 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư số 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư số 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	<i>Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023 VND</i>
Trái tức đã nhận bằng tiền	724.919.178
Trái tức phải thu	1.047.078.082
	1.771.997.260

6. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Tổng giá trị bán VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>(Lỗ)/Lãi bán chứng khoán kỳ này VND</i>
Trái phiếu niêm yết	26.599.802.000	26.600.131.178	(329.178)
Đáo hạn chứng chỉ tiền gửi	550.000.000	551.099.729	(1.099.729)
	27.149.802.000	27.151.230.907	(1.428.907)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. CHÊNH LỆCH (GIẢM)/TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ VND</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh sổ trong kỳ VND</i>
Chứng chỉ tiền gửi	11.057.343.151	11.057.343.151	-	-	-
Trái phiếu niêm yết - Doanh nghiệp	22.500.070.000	22.548.483.600	48.413.600	-	48.413.600
Trái phiếu chưa niêm yết - Doanh nghiệp	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
	58.557.413.151	58.605.826.751	48.413.600	-	48.413.600

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023 VND</i>
Phí môi giới mua các khoản đầu tư	4.940.848
Phí môi giới bán các khoản đầu tư	2.763.300
	7.704.148

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023 VND</i>
Thù lao Ban Đại diện quỹ	40.064.516
Phí ngân hàng	2.100.034
Phí quản lý thường niên	2.500.000
	44.664.550

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 8 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Tăng VND	Giảm VND	
Trái phiếu niêm yết	22.500.070.000	22.548.483.600	48.429.353	(15.753)	22.548.483.600
CVT122008	11.000.054.247	11.048.483.600	48.429.353	-	11.048.483.600
MSN121015	11.500.015.753	11.500.000.000	-	(15.753)	11.500.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
AGRIBANK233101	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Công cụ Thị trường tiền tệ	11.057.343.151	11.057.343.151	-	-	11.057.343.151
VPBFC.CCTG-15188	11.057.343.151	11.057.343.151	-	-	11.057.343.151
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Tổng cộng	58.557.413.151	58.605.826.751	48.429.353	(15.753)	58.605.826.751

11. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong kỳ như sau:

STT	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân
			Giá trị giao dịch qua công ty chứng khoán trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch qua công ty chứng khoán trong kỳ của Quỹ VND	
1	Bên liên quan		77.041.484.000	77.041.484.000	0,01%
	Tổng cộng		77.041.484.000	77.041.484.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

12. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<u>VND</u>
Tiền gửi ngân hàng	1.700.787.560
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	<u>1.700.787.560</u>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng	13.760.000.000
Tổng cộng	<u>15.460.787.560</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<u>VND</u>
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	592.686.027
Dự thu lãi trái phiếu	1.047.078.082
Dự thu lãi tiền gửi	<u>29.144.408</u>
Tổng cộng	<u>1.668.908.517</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<u>VND</u>
Phí kiểm toán	32.400.000
Phải trả thù lao cho ban đại diện Quỹ	<u>26.999.999</u>
Tổng cộng	<u>59.399.999</u>

15. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<u>VND</u>
Phí quản lý Quỹ	66.142.503
Phí dịch vụ lưu ký tài sản	15.242.478
Phí dịch vụ giám sát Quỹ	5.500.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	<u>13.200.000</u>
Tổng cộng	<u>116.584.981</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

16. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Biến động vốn góp từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Đơn vị	Ngày 18 tháng 08 năm 2023	Phát sinh trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	-	8.243.991,50	8.243.991,50
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	82.439.915.000	82.439.915.000
Thặng dư vốn	VND	-	833.886.738	833.886.738
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ Quỹ	VND	-	83.273.801.738	83.273.801.738
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	-	-	10.101,15
Vốn góp mua lại				
Số lượng	CCQ	-	(979.129,23)	(979.129,23)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	(9.791.292.300)	(9.791.292.300)
Thặng dư vốn	VND	-	(258.514.388)	(258.514.388)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ	VND	-	(10.049.806.688)	(10.049.806.688)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	-	-	10.264,02
Số lượng chứng chỉ Quỹ hiện hành	CCQ	-	7.264.862,27	7.264.862,27
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	-	73.223.995.050	73.223.995.050
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	-	1.413.267.248	1.413.267.248
Giá trị tài sản ròng hiện hành	VND	-	74.637.262.298	74.637.262.298
Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ Quỹ	VND/CCQ	-	10.273,73	10.273,73

17. (LỖ)/LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

Giai đoạn tài chính từ
ngày 18/08/2023 đến
ngày 31/12/2023
VND

Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	-
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.413.267.248
Trong đó:	
- (Lỗ)/Lợi nhuận đã thực hiện	1.364.853.648
- (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	48.413.600
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	1.413.267.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023</i>					
<i>STT</i>	<i>Ngày NAV</i>	<i>Giá trị tài sản ròng VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ</i>	<i>Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ Quỹ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ Quỹ VND</i>
1	18/08/2023				
2	27/08/2023	50.144.233.089	5.013.400,00	10.002,04	-
3	31/08/2023	50.297.332.635	5.013.400,00	10.032,58	30,54
4	03/09/2023	50.331.174.978	5.013.400,00	10.039,33	6,75
5	07/09/2023	50.054.567.464	5.013.400,00	9.984,16	(55,17)
6	10/09/2023	50.095.412.612	5.013.400,00	9.992,30	8,15
7	11/09/2023	50.164.889.597	5.016.910,68	9.999,16	6,86
8	12/09/2023	50.188.930.297	5.018.922,86	9.999,94	0,78
9	13/09/2023	50.198.822.139	5.018.827,51	10.002,10	2,16
10	14/09/2023	50.209.497.168	5.018.827,48	10.004,23	2,13
11	17/09/2023	50.308.951.899	5.025.515,43	10.010,70	6,48
12	18/09/2023	50.292.778.598	5.025.355,36	10.007,81	(2,90)
13	19/09/2023	50.312.281.197	5.025.375,34	10.011,65	3,84
14	20/09/2023	50.329.978.100	5.025.476,10	10.014,97	3,32
15	21/09/2023	50.357.520.135	5.027.143,05	10.017,12	2,16
16	24/09/2023	50.389.657.192	5.027.102,94	10.023,60	6,47
17	25/09/2023	50.402.562.105	5.027.312,43	10.025,75	2,15
18	26/09/2023	50.358.419.940	5.027.411,89	10.016,77	(8,98)
19	27/09/2023	50.364.394.031	5.022.317,91	10.028,12	11,35
20	28/09/2023	50.263.260.837	5.018.591,26	10.015,41	(12,71)
21	30/09/2023	50.277.961.853	5.018.611,22	10.018,30	2,89
22	01/10/2023	50.288.902.980	5.018.611,22	10.020,48	2,18
23	02/10/2023	50.299.241.717	5.018.551,12	10.022,66	2,18
24	03/10/2023	50.364.205.301	5.018.510,97	10.035,69	13,02
25	04/10/2023	50.373.334.630	5.018.330,70	10.037,87	2,18
26	05/10/2023	50.387.372.519	5.018.639,52	10.040,05	2,18
27	08/10/2023	50.442.212.979	5.018.679,36	10.050,89	10,85
28	09/10/2023	50.526.702.383	5.029.255,51	10.046,56	(4,34)
29	10/10/2023	50.820.257.743	5.029.205,27	10.105,03	58,47
30	11/10/2023	50.878.283.392	5.030.590,71	10.113,78	8,75
31	12/10/2023	50.885.155.236	5.030.190,29	10.115,95	2,17
32	15/10/2023	50.937.707.972	5.030.190,29	10.126,40	10,45
33	16/10/2023	50.910.655.405	5.030.239,66	10.120,92	(5,48)
34	17/10/2023	50.960.098.263	5.030.249,54	10.130,73	9,81
35	18/10/2023	50.952.004.316	5.030.342,00	10.128,93	(1,80)
36	19/10/2023	50.973.176.822	5.030.241,22	10.133,35	4,41
37	22/10/2023	51.005.278.193	5.030.241,22	10.139,73	6,38
38	23/10/2023	51.037.193.725	5.032.312,18	10.141,90	2,17
39	24/10/2023	51.066.359.289	5.034.111,64	10.144,07	2,17
40	25/10/2023	51.043.262.726	5.034.200,34	10.139,30	(4,77)
41	26/10/2023	51.059.394.871	5.034.210,20	10.142,48	3,18
42	29/10/2023	51.092.687.090	5.035.196,15	10.147,11	4,63
43	30/10/2023	51.104.108.072	5.035.245,42	10.149,28	2,17
44	31/10/2023	51.122.586.142	5.035.999,07	10.151,43	2,15
45	01/11/2023	51.184.712.110	5.043.086,98	10.149,48	(1,95)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023

STT	Ngày NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ Quỹ VND
46	02/11/2023	51.225.246.343	5.043.500,78	10.156,68	7,20
47	05/11/2023	51.297.811.913	5.047.463,67	10.163,09	6,40
48	06/11/2023	51.365.084.531	5.054.941,71	10.161,36	(1,73)
49	07/11/2023	51.424.645.574	5.059.732,93	10.163,51	2,15
50	08/11/2023	51.436.720.731	5.059.850,98	10.165,66	2,15
51	09/11/2023	51.484.011.509	5.063.433,34	10.167,81	2,15
52	12/11/2023	51.713.424.062	5.080.989,62	10.177,83	10,02
53	13/11/2023	51.734.817.914	5.082.022,22	10.179,97	2,14
54	14/11/2023	51.859.956.667	5.093.250,14	10.182,09	2,13
55	15/11/2023	51.866.810.493	5.093.917,96	10.182,11	0,01
56	16/11/2023	51.924.586.629	5.098.536,99	10.184,21	2,11
57	19/11/2023	51.965.630.708	5.099.360,47	10.190,62	6,40
58	20/11/2023	51.979.454.632	5.099.537,08	10.192,98	2,36
59	21/11/2023	51.993.745.350	5.100.031,49	10.194,79	1,81
60	22/11/2023	52.107.520.454	5.110.692,79	10.195,78	1,00
61	23/11/2023	52.118.512.381	5.110.702,58	10.197,92	2,13
62	26/11/2023	52.200.253.722	5.115.594,97	10.204,14	6,23
63	27/11/2023	52.199.105.430	5.114.959,81	10.205,18	1,04
64	28/11/2023	52.503.069.965	5.143.594,11	10.207,47	2,28
65	29/11/2023	52.537.801.495	5.145.930,89	10.209,58	2,11
66	30/11/2023	52.594.289.426	5.150.407,02	10.211,68	2,09
67	03/12/2023	52.608.389.103	5.150.548,42	10.214,13	2,46
68	04/12/2023	54.090.390.695	5.292.979,09	10.219,27	5,14
69	05/12/2023	54.398.970.875	5.323.851,55	10.217,97	(1,30)
70	06/12/2023	54.854.033.802	5.367.560,27	10.219,55	1,57
71	07/12/2023	55.652.255.149	5.438.024,06	10.233,91	14,36
72	10/12/2023	55.920.233.787	5.451.471,48	10.257,82	23,91
73	11/12/2023	56.190.422.383	5.477.061,65	10.259,23	1,40
74	12/12/2023	58.377.015.151	5.689.239,68	10.260,95	1,72
75	13/12/2023	59.956.237.019	5.841.745,98	10.263,41	2,46
76	14/12/2023	60.750.201.361	5.917.651,50	10.265,93	2,52
77	17/12/2023	64.028.376.925	6.233.875,48	10.271,04	5,11
78	18/12/2023	64.819.690.935	6.310.697,80	10.271,40	0,36
79	19/12/2023	64.730.782.420	6.301.010,65	10.273,08	1,68
80	20/12/2023	66.275.038.223	6.450.685,61	10.274,11	1,03
81	21/12/2023	72.401.896.126	7.046.200,86	10.275,31	1,20
82	24/12/2023	76.480.162.846	7.440.122,37	10.279,42	4,11
83	25/12/2023	78.556.501.740	7.658.975,08	10.256,79	(22,63)
84	26/12/2023	79.076.015.162	7.707.899,24	10.259,09	2,30
85	27/12/2023	79.871.884.258	7.784.570,25	10.260,28	1,19
86	28/12/2023	80.643.459.172	7.850.741,41	10.272,08	11,80
87	31/12/2023	74.637.262.298	7.264.862,27	10.273,73	1,65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ:	54.062.134.232,43
Biến động Giá trị tài sản ròng	
▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND):	80.643.459.172,00
▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND):	50.054.567.464,00
▶ Tăng/giảm max:	58,47
▶ Tăng/giảm min:	0,01

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<u>Chứng chỉ Quỹ</u>
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	<u>7.264.862,27</u>

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

20.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023 VND</u>
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán I.P.A	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	241.751.720
Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí giao dịch chứng khoán	7.704.148
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	40.064.516

Phí quản lý được tính bằng 1,20% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Quý Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.1 Các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư trọng yếu với bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 18 tháng 08 năm 2023 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công ty TNHH MTV Quỹ lý quỹ Đầu tư chứng khoán I.P.A	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả phí quản lý	-	241.751.720	(175.609.217)	66.142.503

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Giai đoạn tài chính từ			
			18/08/2023 đến	31/12/2023		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng lưu ký Giám sát	Phí dịch vụ giám sát Phí dịch vụ lưu ký tài sản Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	12.241.935 41.534.051 36.725.806			
Các số dư trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày dưới đây:						
Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 18 tháng 08 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			VND	VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng lưu ký Giám sát	Tiền gửi ngân hàng Phí lưu ký phải trả Phí giám sát phải trả Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở phải trả	- - - -	279.461.591.792 33.829.903 12.241.935 36.725.806	(271.000.804.232) (18.587.425) (6.741.935) (20.225.806)	8.460.787.560 15.242.478 5.500.000 16.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và chứng chỉ tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ có nắm giữ công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Công ty quản lý quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.933.950	9.933.950
Chi phí phải trả	59.399.999	59.399.999
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ	912.341.600	912.341.600
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	116.584.981	116.584.981
Tổng cộng	1.098.260.530	1.098.260.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và
 cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư	58.557.413.151	58.605.826.751
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	15.460.787.560	15.460.787.560
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.668.908.517	1.668.908.517
	75.687.109.228	75.735.522.828
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.933.950	9.933.950
Chi phí phải trả	59.399.999	59.399.999
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ	912.341.600	912.341.600
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	116.584.981	116.584.981
	1.098.260.530	1.098.260.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,20%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS và VSD/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,27%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,43%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,16%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,20%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	2,32%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	234,05%
II	Các chỉ tiêu khác	
1	Quy mô quỹ đầu năm <i>Tổng giá trị chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu năm (theo mệnh giá) (VND)</i> <i>Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu năm (chứng chỉ Quỹ)</i>	- -
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ <i>Số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ (chứng chỉ Quỹ)</i> <i>Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)</i> <i>Số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ (chứng chỉ Quỹ)</i> <i>Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)</i>	72.648.622.700 8.243.991,50 82.439.915.000 (979.129,23)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ <i>Tổng giá trị chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối năm (VND)</i> <i>Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối năm (chứng chỉ Quỹ)</i>	72.648.622.700 7.264.862,27
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối năm (%)	68,83%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối năm (%)	85,13%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và

cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 08 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn tài chính từ ngày 18/08/2023 đến ngày 31/12/2023
II	Các chỉ tiêu khác (tiếp theo)	
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	-
7	Số Nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	452
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ cuối năm	10.273,73

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn